

Câu 1. (3.0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

...
Anh đội viên mơ màng
Như nằm trong giấc mộng
Bóng Bác cao lồng lộng
Ấm hơn ngọn lửa hồng

- Đoạn thơ trên trích từ văn bản nào? Cho biết tên tác giả. (1 điểm)
- Kể tên một biện pháp nghệ thuật có trong đoạn thơ. (1 điểm)
- Hãy chép 4 câu thơ liền kề trước đoạn thơ trên. (1 điểm)

Câu 2. (3.0 điểm)

“Dế Mèn phiêu lưu ký” là tác phẩm văn xuôi đặc sắc và nổi tiếng nhất của Tô Hoài viết về loài vật, dành cho lứa tuổi thiếu nhi. Qua những chuyến phiêu lưu của Dế Mèn, nhà văn Tô Hoài đã đem đến những câu chuyện cảm động và bao bài học làm người ý nghĩa. Hãy viết một đoạn văn ngắn 4-6 câu, có sử dụng biện pháp nhân hóa nêu cảm nghĩ của em về nhân vật Dế Mèn.

Câu 3. (4 điểm)

Viết về một người mà em kính yêu.

----Hết----

Họ và tên học sinh:.....

Câu 1. (3 điểm)

- Đoạn thơ trên trích từ văn bản: *Đêm nay Bác không ngủ* (0.5điểm); tên tác giả: Minh Huệ (0.5điểm)

- Chép 4 câu thơ liền kề trước đoạn thơ:

Điểm 1: Chép đủ, đúng, không sai chính tả.

Điểm 0.25- 0.75: Chép không đủ, không đúng, sai chính tả.

(Sai lỗi chính tả: - 0.25 điểm/2lỗi; sai hoặc thiếu từ, đảo lộn thứ tự của từ: - 0.25 điểm/1 từ; đảo lộn thứ tự của câu: - 0.5 điểm/1 câu)

GV cân nhắc trên bài làm thực tế để quyết định số điểm phù hợp

Điểm 00: Trả lời sai hoặc không trả lời.

- Xác định biện pháp nghệ thuật có trong đoạn thơ vừa chép (1 điểm): So sánh.

GV cân nhắc trên bài làm thực tế để quyết định số điểm phù hợp.

Câu 2. (3.0 điểm)

- Điểm 3.0: HS viết đoạn văn mạch lạc, đầy đủ số câu; có cảm nhận sâu sắc về nhân vật Dế Mèn (2 điểm); trong đoạn văn có sử dụng biện pháp nhân hóa. (1 điểm)

- Các thang điểm khác: GV cân nhắc để quyết định số điểm phù hợp.

- Điểm 0: Viết không đúng hoặc không viết một ý nào.

Câu 3: (4.0 điểm)

1. Yêu cầu chung: Bài viết thể hiện đúng yêu cầu của văn miêu tả; bố cục đầy đủ, rõ ràng; diễn đạt ngắn gọn, dễ hiểu, có cảm xúc; có liên kết câu, liên kết đoạn.

2. Yêu cầu cụ thể:

2.1. Về cấu trúc: (0.5 điểm)

- Điểm 0.5: Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lý và nêu được vấn đề miêu tả; phần Thân bài có vận dụng các kỹ năng miêu tả; phần Kết bài cảm nhận được về đối tượng và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

- Điểm 0.25: Trình bày đầy đủ ba phần Mở bài, Thân bài, Kết bài nhưng các phần chưa thể hiện được đầy đủ yêu cầu như trên.

2.2. Về vấn đề miêu tả: (0.5 điểm)

- Điểm 0.5: Xác định được vấn đề cần miêu tả.
- Điểm 0.25: Xác định chưa rõ vấn đề cần miêu tả.
- Điểm 0: Xác định sai vấn đề cần miêu tả.

2.3. Về nội dung miêu tả: (2.5 điểm)

- Điểm 2.5: Bài viết có các ý rõ ràng, thuyết phục; trình tự miêu tả hợp lý. Làm nổi bật những nét tiêu biểu của nhân vật, gây cảm xúc cho người đọc.

- Điểm 0.75 - 2.25: Đáp ứng một phần các yêu cầu trên.
 - Điểm 0.5: Bài làm chỉ có vài ý rời rạc; hoặc viết được một đoạn ngắn.
 - Điểm 0: Không đáp ứng được bất kì yêu cầu nào trong các yêu cầu trên.
- GV cân nhắc trên bài làm thực tế để quyết định số điểm phù hợp.*

2.4. Về chính tả, dùng từ, đặt câu: (0.5 điểm)

- Điểm 0.5: Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.
- Điểm 0.25: Mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.
- Điểm 00: Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu./.

Câu 1. (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“...Con người của Bác, đời sống của Bác giản dị như thế nào, mọi người chúng ta đều biết, bữa cơm, đồ dùng, cái nhà, lối sống. Bữa cơm chỉ có vài ba món rất giản đơn, lúc ăn Bác không để rơi vãi một hột cơm, ăn xong, cái bát bao giờ cũng sạch và thức ăn còn lại thì được sắp xếp tươm tất. Ở việc làm nhỏ đó, chúng ta càng thấy Bác quý trọng biết bao kết quả sản xuất của con người và kính trọng như thế nào người phục vụ...”

(Trích Sách giáo khoa Ngữ văn 7- tập II)

- Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Cho biết tên tác giả. (1 điểm)
- Nêu nội dung chính của văn bản trên. (1 điểm)
- Hãy chuyển đổi câu chủ động sau đây thành câu bị động:
“ Mọi người dân Việt Nam luôn yêu quý và kính trọng Bác Hồ.”

(1 điểm)

Câu 2. (3.0 điểm)

Xứ Huế nổi tiếng với những cung điện nguy nga cổ kính, những lăng tẩm đồ sộ của các triều vua... Huế còn nổi tiếng với nhiều sản phẩm văn hóa độc đáo mà ca Huế là một thể loại âm nhạc tiêu biểu.

Hãy viết một đoạn văn ngắn 6-8 câu, nêu những hiểu biết của em về ca Huế, trong đoạn văn có sử dụng dấu chấm lửng.



Câu 3. (4 điểm)

Bác Hồ đã từng xác định: tình yêu thương con người là một trong những phẩm chất đạo đức cao đẹp nhất. Người dành tình yêu thương rộng lớn cho những người nghèo khổ. Học tập Bác, người dân Việt Nam luôn nêu cao tinh thần yêu thương, đùm bọc nhau trong mọi hoàn cảnh .

Em hãy viết một bài văn chứng minh điều đó.

----Hết----

Họ và tên học sinh:.....

Câu 1. (3 điểm)

a. Đoạn văn trên trích từ văn bản “Đức tính giản dị của Bác Hồ” (0.5điểm); tên tác giả: Phạm Văn Đồng (0.5điểm)

b. Nội dung chính của văn bản:

Giản dị là đức tính nổi bật của Bác Hồ: Giản dị trong đời sống, trong quan hệ với mọi người, trong lời nói và bài viết. (0.5điểm). Ở Bác giản dị hòa hợp với đời sống tinh thần phong phú với những tư tưởng và tình cảm cao đẹp. (0.5điểm)

GV cân nhắc trên bài làm thực tế để quyết định số điểm phù hợp

c. HS chuyển đổi đúng câu chủ động thành câu bị động: (1điểm)

“Bác Hồ luôn được mọi người dân Việt Nam yêu quý và kính trọng.”

Câu 2. (3.0 điểm)

- Điểm 3.0: HS viết đoạn văn mạch lạc, đầy đủ số câu; thể hiện sự hiểu biết về ca Huế (2 điểm); trong đoạn văn có sử dụng dấu chấm lửng. (1 điểm)

- Các thang điểm khác: GV cân nhắc để quyết định số điểm phù hợp.

- Điểm 0: Viết không đúng hoặc không viết một ý nào.

Câu 3: (4.0 điểm)

1. Yêu cầu chung: Bài viết thể hiện đúng yêu cầu của văn nghị luận, biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài lập luận chứng minh để tạo lập văn bản; bố cục đầy đủ, rõ ràng; diễn đạt ngắn gọn, dễ hiểu; có liên kết câu, liên kết đoạn.

2. Yêu cầu cụ thể:

2.1. Về cấu trúc: (0.5 điểm)

- Điểm 0.5: Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lý và nêu được vấn đề cần nghị luận; phần Thân bài có vận dụng các thao tác lập luận để trình bày ý kiến của mình; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

- Điểm 0.25: Trình bày đầy đủ ba phần Mở bài, Thân bài, Kết bài nhưng các phần chưa thể hiện được đầy đủ yêu cầu như trên.

2.2. Về vấn đề nghị luận: (0.5 điểm)

- Điểm 0.5: Xác định được vấn đề cần nghị luận.

- Điểm 0.25: Xác định chưa rõ vấn đề cần nghị luận.

- Điểm 0: Xác định sai vấn đề cần nghị luận.

2.3. Về nội dung nghị luận: (2.5 điểm)

- Điểm 2.5: Bài viết có các luận điểm, luận cứ rõ ràng, thuyết phục về tình thân yêu thương, đùm bọc nhau - một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam; có phê phán, phản biện vấn đề và nêu giải pháp hợp lý.

- Điểm 0.75 - 2.25: Đáp ứng một phần các yêu cầu trên.

- Điểm 0.5: Bài làm chỉ có vài ý rời rạc; hoặc viết được một đoạn ngắn.

- Điểm 0: Không đáp ứng được bất kì yêu cầu nào trong các yêu cầu trên.

GV cân nhắc trên bài làm thực tế để quyết định số điểm phù hợp.

2.4. Về chính tả, dùng từ, đặt câu: (0.5 điểm)

- Điểm 0.5: Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

- Điểm 0.25: Mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

- Điểm 00: Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu./.

Câu 1: (3.0 điểm)

Đọc đoạn bài thơ sau và trả lời câu hỏi:

“...Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ
Khắp dân làng tấp nập đón ghe về.
“Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe”,
Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.
Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;
Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chát muối thấm dần trong thớ vỏ.

Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ
Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!”

(Trích *Quê hương* – Tế Hanh)

- a. Nêu nội dung của đoạn trích trên. (1.0 điểm)
b. Em hiểu ý nghĩa của hai dòng thơ sau như thế nào? (1.0 điểm)

*Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;*

- c. Câu *Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!* Thuộc kiểu câu gì và nhằm mục đích gì?
(1.0 điểm)

Câu 2: (3.0 điểm)

Tình yêu quê hương là tình cảm thiêng liêng của mỗi người, hãy viết một đoạn văn ngắn (8 - 10 câu) nêu suy nghĩ của em về tình cảm thiêng liêng ấy. Trong đó có sử dụng câu cảm thán và câu phủ định. Cho biết câu cảm thán và câu phủ định đó được dùng với mục đích gì?

Câu 3: (4.0 điểm)

Câu nói của M. Go-rơ-ki: "Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống" gợi cho em những suy nghĩ gì?

__Hết__

Họ và tên học sinh:

Câu 1. (3 điểm)

a. Nêu nội dung của đoạn trích: Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về và tình cảm quê hương của tác giả.

- Điểm 1.0: Trả lời đúng 2 ý trên
- Điểm 0.5: Trả lời $\frac{1}{2}$ ý trên
- Điểm 0: Trả lời sai hoặc không trả lời

b. Hai câu sau miêu tả hình ảnh người dân chài – người lao động bình thường. Đó là những con người có làn da rám nắng nhuộm gió vật lộn từng trái, thân hình chắc khỏe, nồng thở “vị xa xăm” của biển khơi. “Vị xa xăm” đó là gì nếu không phải là vị mặn mòi, nồng đậm của biển cả, hơn thế, đó còn là mùi vị, là hơi thở của đại dương, của chân trời tím tấp...

(Chấp nhận cách diễn đạt khác nhưng đúng ý)

- Điểm 1.0: Trả lời đúng 2 ý trên
- Điểm 0.5: Trả lời $\frac{1}{2}$ ý trên
- Điểm 0: Trả lời sai hoặc không trả lời

c. Câu *Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!* Thuộc kiểu câu cảm thán và nhằm mục đích bộc lộ tình cảm.

- Điểm 1.0: Trả lời đúng 2 ý trên
- Điểm 0.5: Trả lời $\frac{1}{2}$ ý trên
- Điểm 0: Trả lời sai hoặc không trả lời

Câu 2: (3.0 điểm)

- Viết đoạn văn đúng số câu; diễn đạt mạch lạc. (0.5 điểm)
- Nêu đúng mục đích của câu cảm thán và câu phủ định. (0.5 điểm)
- Suy nghĩ đúng đắn, chân thành, cảm động về tình yêu quê hương là tình cảm thiêng liêng của mỗi người. (2.0 điểm)

Câu 3: (4.0 điểm)

*** Yêu cầu chung:** Học sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng về dạng bài nghị luận xã hội để tạo lập văn bản. Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết trong sáng, ngắn gọn, dễ hiểu; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

*** Yêu cầu cụ thể:**

a) Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận xã hội (0,5 điểm):

- Điểm 0,5 điểm: Trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết luận. Phần Mở bài biết dẫn dắt hợp lý và nêu được vấn đề cần nghị luận; phần Thân bài có vận dụng các thao tác lập luận để trình bày ý kiến của mình về ý kiến của M. Go-rơ-ki; phần Kết bài khái quát được vấn đề và thể hiện được nhận thức của cá nhân.

- Điểm 0,25: Trình bày đầy đủ ba phần Mở bài, Thân bài, Kết luận, nhưng các phần chưa thể hiện được đầy đủ yêu cầu như trên.

- Điểm 0: Thiếu Mở bài hoặc Kết luận, cả bài viết chỉ có 01 đoạn văn.

b) Xác định đúng vấn đề cần nghị luận (0,5 điểm):

- Điểm 0,5: bài làm cho thấy học sinh xác định được vấn đề cần nghị luận: vai trò, tầm quan trọng của sách.

- Điểm 0,25: Xác định chưa rõ vấn đề cần nghị luận.

- Điểm 0: Xác định sai vấn đề cần nghị luận.

c) Chia vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm phù hợp; các luận điểm được triển khai theo trình tự hợp lý, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai các luận điểm (trong đó phải có thao tác giải thích, chứng minh, bình luận); biết kết hợp giữa nêu lý lẽ và đưa dẫn chứng; dẫn chứng phải lấy từ thực tiễn đời sống (hoặc trong văn học), cụ thể và sinh động (2,5 điểm):

- Giải thích đúng vấn đề nghị luận: Sách là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống.

- Chứng minh, bàn luận để rút ra bài học cho bản thân và mọi người: vai trò, tầm quan trọng của sách.

+ Dùng lý lẽ và dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề cần nghị luận.

+ Phê phán, phản biện vấn đề

+ Đề ra phương hướng cụ thể...

- Điểm 2,5: Đảm bảo các yêu cầu trên

- Điểm 2,0 - 1,5: Cơ bản đáp ứng được các yêu cầu trên, song một trong các luận điểm còn chưa đầy đủ hoặc liên kết chưa thật chặt chẽ.

- Điểm 1,25 - 0,75: Đáp ứng 1/2 đến 2/3 các yêu cầu trên; chứng minh vấn đề chưa thuyết phục, gượng ép.

- Điểm 0,5: Bài làm chỉ có vài ý rời rạc; hoặc viết được một đoạn ngắn.

- Điểm 0: Không đáp ứng được bất kỳ yêu cầu nào trong các yêu cầu trên.

d) Chính tả, dùng từ, đặt câu (0,5 điểm):

- Điểm 0,5: Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

- Điểm 0,25: Mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

- Điểm 0: Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

Câu 1. (3.0 điểm)

Hãy đọc phần đầu câu chuyện về *Hai hạt mầm* trích từ tập truyện Hạt giống tâm hồn:

Có hai hạt mầm nằm cạnh nhau trên một mảnh đất màu mỡ.

Hạt mầm thứ nhất nói:



Tôi muốn lớn lên thật nhanh. Tôi muốn bén rễ sâu xuống lòng đất và đâm chồi nảy lộc xuyên qua lớp đất cứng phía trên...



Tôi muốn nở ra những cánh hoa dịu dàng như dấu hiệu chào đón mùa xuân...Tôi muốn cảm nhận sự ấm áp của ánh mặt trời và thưởng thức những giọt sương mai đọng trên cành lá.

Và rồi hạt mầm mọc lên.

Hạt mầm thứ hai bảo:



- Tôi sợ lắm. Nếu bén những nhánh rễ vào lòng đất sâu bên dưới, tôi không biết sẽ gặp phải điều gì ở nơi tối tăm đó. Và giả như những chồi non của tôi có mọc ra, đám côn trùng sẽ kéo đến và nuốt ngay lấy chúng. Một ngày nào đó, nếu những bông hoa của tôi có thể nở ra được thì bọn trẻ con cũng sẽ vặt lấy mà đùa nghịch thôi. Không, tốt hơn hết là tôi nên nằm ở đây cho đến khi cảm thấy thật an toàn đã.

Và rồi hạt mầm nằm im và chờ đợi.

- a. Hình ảnh của Hai hạt mầm gợi lên cho em những liên tưởng gì về con người? (1 điểm)
- b. Hãy suy nghĩ và viết phần kết của câu chuyện (khoảng 3 - 4 câu) (1 điểm)
- c. Xác định một phép liên kết câu có trong phần văn bản trên. (1 điểm)

Câu 2. (3.0 điểm)

Viết một văn bản ngắn nghị luận về vấn đề mà em rút ra được từ câu chuyện trên.

Câu 3. (4 điểm)

Hãy làm sáng tỏ khát vọng sống đẹp, sống có ích, sống cống hiến cho đời qua văn bản “*Mùa xuân nho nhỏ*” của Thanh Hải và “*Những ngôi sao xa xôi*” của Lê Minh Khuê (sách giáo khoa Ngữ văn 9 - tập II), từ đó xây dựng thái độ sống đúng đắn của thanh niên ngày nay.

----Hết----

Họ và tên học sinh:.....

Câu 1. (3 điểm)

a. Hình ảnh của Hai hạt mầm gợi lên những liên tưởng về con người: (1 điểm)

Học sinh có thể có những liên tưởng khác nhau về thái độ sống của con người (ví dụ trong xã hội có những người có hoài bão lớn, khát khao vươn tới những điều mới mẻ, sống bản lĩnh, mạnh mẽ, lạc quan, tự tin. Tuy nhiên vẫn có người sống không có ước mơ, hèn nhát, sợ hãi, thụ động...)

GV cần nhắc trên bài làm thực tế để quyết định số điểm phù hợp.

b. Học sinh viết phần kết của câu chuyện một cách hợp lý (khoảng 3 - 4 câu). (1 điểm)

c. Học sinh chọn lựa và chỉ ra một phép liên kết câu có trong phần văn bản. (1 điểm)

VD: Phép lặp (Tôi muốn), phép nối (Và rồi), phép liên tưởng (bén rễ, đâm chồi nảy lộc...)

Câu 2. (3.0 điểm)

1. Yêu cầu chung: Bài viết thể hiện đúng yêu cầu của văn nghị luận; bố cục đầy đủ, rõ ràng; diễn đạt ngắn gọn.

2. Yêu cầu cụ thể:

- Về cấu trúc: (0.5 điểm) trình bày đầy đủ các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài.

- Về nội dung nghị luận: (2.5 điểm) Bài viết có các luận điểm, luận cứ rõ ràng, thuyết phục; có giải pháp; có phê phán, phản biện vấn đề. Kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng; dẫn chứng lấy từ thực tiễn đời sống (hoặc trong văn học), cụ thể và sinh động.

Một số gợi ý về lập luận:

- Mượn câu chuyện hai hạt mầm, tác giả đã nêu lên và khẳng định một quan niệm nhân sinh đúng đắn, tích cực: Con người sống phải có ước mơ (mong muốn những điều tốt đẹp trong tương lai), dám đối đầu với khó khăn để biến ước mơ thành hiện thực và tỏa sáng. Sống không có ước mơ, hèn nhát, sợ hãi, thụ động... chỉ nhận được sự thất bại, thậm chí bị hủy diệt

- Cuộc sống rất đa dạng và phong phú: có cơ hội cho con người lựa chọn nhưng cũng lắm thử thách gian nan. Khó khăn là động lực thúc đẩy hành động, đạt tới thành công.

- Ước mơ là nguồn sức mạnh tinh thần to lớn giúp con người vượt qua khó khăn để sống và tận hưởng hương vị, vẻ đẹp của cuộc đời; là động lực thúc đẩy con người tìm tòi, khám phá, đóng góp sức mình làm cho cuộc sống trở nên tươi đẹp hơn.

- Cuộc sống chỉ thực sự có ý nghĩa khi con người có ước mơ, khát vọng và nỗ lực vượt khó, chinh phục mọi thử thách để sinh tồn và phát triển.
- Sự hãi trước cuộc sống, không dám làm bất cứ điều gì, chỉ biết thu mình trong vỏ bọc hèn nhát, thụ động chờ đợi con người sẽ trở nên yếu hèn.
- Cuộc sống không ước mơ, không dám đương đầu với thực tế là cuộc sống vô vị, nhàm chán, sống thừa, sống vô ích.
- Bên cạnh những người có ước mơ, không ngừng vươn lên để sáng tạo, cũng còn không ít người sợ hãi, né tránh gian khổ, khó khăn.
- Ca ngợi những người có ước mơ, có nghị lực vươn lên. Phê phán những người sống không có ước mơ, thụ động, ngại khó ngại khổ, không có ý chí, nghị lực.
- Liên hệ rút ra bài học về nhận thức và hành động.

GV cân nhắc trên bài làm thực tế để quyết định số điểm phù hợp.

Câu 3: (4.0 điểm)

1. Yêu cầu chung: Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận văn học. Bố cục và hệ thống ý sáng rõ. Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Các phần có sự liên kết. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ; trình bày rõ ràng, dễ hiểu.

2. Yêu cầu cụ thể:

2.1. Về cấu trúc: (0.5 điểm)

- Điểm 0.5: Trình bày đầy đủ và hợp lý các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài.
- Điểm 0.25: Trình bày đầy đủ ba phần Mở bài, Thân bài, Kết bài nhưng các phần chưa thể hiện được đầy đủ yêu cầu.

2.2. Về nội dung nghị luận: (3 điểm)

- Bài viết thể hiện luận điểm: lẽ sống cao đẹp, sống có ích, sống cống hiến qua bài "Mùa xuân nho nhỏ" của Thanh Hải, bài "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê (sách giáo khoa Ngữ văn 9 – tập II) ...

“Mùa xuân nho nhỏ”: Khát vọng của tác giả tuy ẩn chứa sự khiêm nhường qua hình ảnh nho nhỏ, lặng lẽ nhưng thể hiện một tiếng lòng cao cả, mỗi con người hãy là một mùa xuân nho nhỏ để làm nên mùa xuân bất diệt của đất nước. Một xã hội tốt đẹp thì mỗi con người phải tốt đẹp. Đây là điều tâm niệm và khát vọng của nhà thơ trước lúc đi xa vĩnh biệt cuộc đời.

“Những ngôi sao xa xôi”: lẽ sống cao đẹp được thể hiện qua tinh thần dũng cảm, lạc quan giữa cuộc sống chiến đấu khắc nghiệt, đầy gian khổ, hy sinh. Đó cũng chính là những hình ảnh đẹp, tiêu biểu của thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mĩ.

Hai bài thơ có những đặc sắc riêng về nội dung, nghệ thuật, hoàn cảnh sáng tác... nhưng có nét chung là thể hiện một nhân sinh quan cao đẹp: sống cống hiến không ngừng cho cuộc đời, cho đất nước.

Từ lẽ sống cao đẹp của những thế hệ đi trước, xây dựng thái độ sống đúng đắn của thanh niên ngày nay và phê phán những lối sống đi ngược lại vấn đề trên.

- Điểm 3: Bài viết có các luận điểm, luận cứ rõ ràng, đáp ứng tốt các yêu cầu trên.

- Điểm 0.75 - 2.75: Đáp ứng một phần các yêu cầu trên.

- Điểm 0.5: Bài làm chỉ có vài ý rời rạc; hoặc viết được một đoạn ngắn.

- Điểm 0: Không đáp ứng được bất kì yêu cầu nào trong các yêu cầu trên.

Học sinh có thể triển khai các luận điểm trên theo nhiều cách khác nhau. Giám khảo đánh giá mức điểm dựa trên kĩ năng làm bài và nội dung toàn bài của học sinh.

2.3. Về chính tả, dùng từ, đặt câu: (0.5 điểm)

- Điểm 0.5: Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

- Điểm 0.25: Mắc một số lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.

- Điểm 00: Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu./.